

Bản án số: 52/2021/DS-PT

Ngày: 28/1/2021

*V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh  
toán của hợp đồng thuê thầu*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**

*Các Thẩm phán:*

**Bà Hoàng Thị Thu Lan**

**Ông Đỗ Minh Hoàng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
**Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 1 năm 2021, tại khu xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2020/DSPT ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc “*tranh chấp nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng thuê thầu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DSST ngày 19/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2020/QĐXX-PT ngày 03/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 332/2020/QĐHPT-PT ngày 23/6/2020, thông báo mở lại phiên tòa số 20/2021/TB-TA ngày 05/1/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn V T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã D; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T N, sinh năm 1977, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã D.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn V Đ, sinh năm 1967, nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N N, sinh năm 1959.

HKTT: Số 34 L, phường L, quận H, TP. Hà Nội;

Đăng ký tạm trú: Số nhà 45, ngách 32, ngõ 564, phố N, phường G, quận L, TP Hà Nội.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn N N, sinh năm 1959.

HKTĐ: Số 34 L, phường L, quận H, TP. Hà Nội;

Đăng ký tạm trú: Số nhà 45, ngách 32, ngõ 564, phố N, phường G, quận L, TP Hà Nội.

2. UBND xã D, huyện Gia Lâm;

Địa chỉ: Xã D X, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hữu V, chức vụ: Chủ tịch UBND xã D.

3. UBND xã P, huyện G.

Địa chỉ: xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Phú Thị.

4. UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn V T, chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn Như Quỳnh.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Nguyễn T N, ông Nguyễn N N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2017 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của UBND xã D trình bày:*

Mặt sông Thiên Đức rộng 21ha (21.000m<sup>2</sup>) bắt đầu từ địa bàn xã Phú Thị chảy đến đập giáp với thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên thuộc quyền sử dụng của 2 xã là UBND xã D và UBND xã D. Thực hiện Nghị quyết chung của HĐND 2 xã Dương Xá và Dương Quang qua nhiều thời kỳ từ xa xưa, cứ 5 năm đến lượt 1 xã đứng ra cho thuê thầu mặt sông Thiên Đức thuộc quyền sử dụng của cả 2 xã, tự ký hợp đồng, tự thu sản và tự chịu trách nhiệm đối với việc ký hợp đồng thuê thầu, tự quyết định đối với việc ký hợp đồng, hết 5 năm lại đến xã khác được quyền quản lý, cho thuê thầu, sử dụng lợi nhuận từ mặt sông thuộc quyền sử dụng của hai xã. Nghị quyết đầu tiên về chủ trương này đến nay UBND xã D không còn văn bản lưu trữ nên không có đề xuất trình cho Tòa án được. Chu kỳ năm 2011-2016 là đến lượt của UBND xã D, UBND xã D tiến hành cho thuê thầu, người trúng thầu là ông Nguyễn V Đ, công dân của xã Dương Quang. Ngày 19/01/2017 ông Nguyễn V Đ và UBND xã D đã ký Hợp đồng thuê thầu mặt sông Thiên Đức thuộc quyền sử dụng của 2 xã

Dương Quang và Dương Xá để nuôi trồng thủy sản trong 5 năm với tiền thuê là 517.970.400 đồng/1 năm, thời hạn thanh toán tiền thuê vào ngày 19 tháng 01 hàng năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, năm 2011 ông Đông đã nộp đủ tiền thuê thầu, năm 2012 ông Đông còn nợ 155.391.120 đồng, năm 2013 ông Đông còn nợ 367.970.400 đồng, năm 2014 ông Đông còn nợ 267.970.400 đồng, năm 2015 ông Đông còn nợ 382.219.400 đồng, đến ngày 31/5/2016 khi ký thanh lý hợp đồng giữa UBND xã D và ông Đông thống nhất ông Đông còn nợ UBND xã D tiền phát sinh từ hợp đồng thuê thầu là 1.141.979.648 đồng, tuy nhiên trong biên bản thanh lý ghi nhầm là 1.041.979.648 đồng. Sau khi thanh lý hợp đồng ngày 27/9/2019 và ngày 15/11/2016 ông Đông thanh toán tiếp 02 đợt, mỗi đợt 100.000.000 đồng, tổng là 200.000.000 đồng, từ đó ông Đông không thanh toán cho UBND xã D nữa. Đến khi khởi kiện, ông Đông còn nợ UBND xã D là 941.979.648 đồng phát sinh từ hợp đồng thuê thầu. Nay UBND xã D đề nghị Tòa án buộc ông Đông phải trả cho UBND xã D số tiền 941.979.648 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tính theo lãi suất Ngân hàng nhà nước từ ngày 19/01/2016 (ngày hết hạn hợp đồng thuê thầu) đến ngày 30/9/2019. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Đông không thanh toán số nợ trên thì ông Đông phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật.

*Ông Nguyễn V D - bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của ông Đông là ông Nguyễn N N trình bày:*

Đầu năm 2011, UBND 2 xã Dương Quang và Dương Xá cho đấu thầu khai thác mặt sông Thiên Đức để nuôi trồng thủy sản thời hạn 05 năm, ông Đông trúng thầu, hai bên ký kết hợp đồng thuê thầu vào ngày 19/01/2011. Thực tế chủ thuê thầu là ông Nguyễn N N, nhưng do ông Ninh không có hộ khẩu thường trú tại xã nên không được đứng tên trong hợp đồng, mà nhờ ông Đông đứng tên. Mục đích thuê mặt sông để nuôi trồng thủy sản, vừa là phát triển kinh tế, vừa là ông Ninh muốn tạo công ăn việc làm cho anh em con cháu trong dòng họ tại quê hương, lại được sự hậu thuẫn của UBND xã D, vì đây là lần đầu tiên từ năm 1960 đến nay, UBND xã D mới được tổ chức đấu thầu nên ông Ninh quyết tâm trúng thầu, ông Đông là người đại diện dòng họ đứng tên trong hợp đồng thuê thầu với UBND xã D. Việc ký kết hợp đồng thuê thầu ông Đông hoàn toàn tự nguyện, tự thỏa thuận với các điều khoản của hợp đồng thuê thầu, không có thắc mắc gì về hợp đồng thuê thầu tại thời điểm tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện thuê thầu:

+ Năm thứ nhất: Sau tết Nguyên đán năm 2011 thời tiết miền Bắc lạnh, mưa kéo dài đến hết tháng 4 âm lịch, cá giống khan hiếm và đắt. Đăng kê hai bên bờ sông, đầu và cuối sông phải gia cố và làm mới khu đất bờ sông phía thôn Bài Tâm trước đây là nơi chôn lấp gia súc chết vì dịch bệnh, ông Đông đã gửi đơn đến UBND xã D

xin được cải tạo, tôn tạo làm khu chứa và sản xuất thức ăn chăn nuôi, có nơi ăn chôn ở cho các xã viên, chúng tôi đã tốn rất nhiều công sức, tiền của san lấp rìa sông được hơn 600m<sup>2</sup>, dựng nhà cấp 4 khoảng 80m<sup>2</sup>, dựng khu chế biến cám viên cho cá, trồng nhiều cây xanh to, kể cả 2 bên đường Phú Thị đến hết tháng 6 âm lịch, ông Ninh vay nợ các nơi nhập hơn 1 tỷ tiền cá giống các loại cho 2 bên sông.

+ Năm thứ 2 - 2012 được UBND huyện Gia Lâm cho phép lập Hợp tác xã thủy sản Sông Dương. Tháng 9/2012 do ảnh hưởng của cơn bão số 5 hai bên bờ sông nước dâng cao gây ngập lụt quanh vùng, UBND xã D đã đơn phương cho phá 20m đê dài phân tiếp giáp cuối sông với mương Gia Thuận (hệ thống mương Bắc Hưng Hải) để tiêu thoát nước, toàn bộ đàn cá của chúng tôi trôi hết (Khi thanh lý hợp đồng năm 2016, UBND xã D miễn tiền nộp sản lượng cho chúng tôi 30% của năm 2012). Đầu năm 2013 chúng tôi phải thả đợt cá mới với hơn 800 triệu tiền cá giống. Từ 2012 – 2016 nạn trộm cắp cá 2 bên sông luôn hoành hành, dịch bệnh cá kéo dài, giá bán cá cho lái buôn luôn bấp bênh và thấp, thức ăn nuôi cá cao, phí nhân công từ 6-8 xã viên/tháng, việc đánh bắt cá vất vả tốn kém nên chúng tôi không còn nguồn thu nhập.

+ Năm cuối cùng thực hiện hợp đồng: Đầu tháng 3/2016 chúng tôi hợp đồng với tổng lưới ở Sầm Sơn – Thanh Hóa để thu hoạch. Với 3 máng bơm công suất lớn hoạt động suốt ngày đêm, sông của 2 xã cũng đều cạn, sau hơn 1 tháng sản lượng thu hoạch không đủ các chi phí. Ngày 04/3/2016 chúng tôi có đơn đề nghị tới UBND xã D xin được hút bùn tạo rãnh thoát nước để tận thu các hồ sâu dưới lòng sông nhưng không được UBND xã chấp thuận, hàng chục tấn cá vẫn không thể thu hoạch được.

Do ông Đông không phải chủ thể trực tiếp thực hiện việc khai thác mặt sông Thiên Đức nên ông Đông không nắm được các hoạt động thu chi khi khai thác mặt sông. Đến khi làm việc với UBND xã ông Đông đã ký vào biên bản làm việc với xã vô cảm, do cả nể, ngại va chạm, không trực tiếp làm nên ông Đông cứ ký xác nhận biên bản làm việc, biên bản đối chiếu công nợ với UBND xã D.

Theo tôi được biết mặt sông Thiên Đức mà UBND xã D cho ông Đông thuê bao gồm cả sông của xã Phú Thị, đầu thị trấn Như Quỳnh thì cho thuê cả mặt sông của thị trấn Như Quỳnh, vì khi chúng tôi nuôi cá, dân của các xã Phú Thị, thị trấn Như Quỳnh đều ra câu cá phần giáp ranh, họ nói đó là sông của họ thì họ câu, chúng tôi không thể đuổi hết được, họ toàn câu vào ban đêm, có khi còn dùng cả lưới để vớt cá của chúng tôi. Vì mặt sông của cả thị trấn Như Quỳnh, nhưng UBND xã D vẫn cứ cho ông Đông thuê, nên theo ông Đông nội dung diện tích của hợp đồng thuê thầu là sai, UBND xã D cho thuê cả mặt sông của thị trấn Như Quỳnh nên ông Đông yêu cầu hủy hợp đồng thuê thầu số 02 ngày 19/01/2011 ký giữa UBND xã D và ông

Nguyễn V Đ, nếu hủy hợp đồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, tính giá trị của hợp đồng là  $519.970.400 \text{ đồng/năm} \times 5 \text{ năm} = 2.599.852.000$  đồng, mỗi bên chịu 1 nửa = 1.299.926.000 đồng. Phần của ông Đông nộp tiền thuê thầu cho UBND xã D nếu nộp thừa thì đề nghị UBND xã D hoàn trả ông Đông, nếu thiếu ông Đông sẽ phải nộp tiếp cho UBND xã D. Ông Đông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của UBND xã D, vì hợp đồng thuê thầu ký là vi phạm về thẩm quyền, khi cho thuê UBND xã D giao diện tích mặt sông không đủ 21 ha như trong hợp đồng.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Ông Nguyễn N N trình bày:** Việc ông Đông thuê thầu chỉ là người ký hợp đồng vì ông Đông có hộ khẩu thường trú tại xã Dương Quang, tôi không có hộ khẩu nên không được ký hợp đồng, còn người thực chất làm, bỏ tiền đầu tư vào kinh doanh sông Thiên Đức là do tôi bỏ tiền ra làm. Thứ nhất vì tôi là người con của quê hương Dương Quang, đi làm ăn kinh tế bên ngoài nhiều năm, đến khi gần nghỉ hưu cũng muốn đóng góp một phần công sức cho quê hương của mình, từ việc tôi xây cổng, đình chùa quê hương, đến việc về làm sông để tạo công ăn việc làm cho họ hàng và anh em ở quê hương, nên có bao tiền tích góp khi công tác tôi dồn hết về làm sông Thiên Đức. Khi ký thuê thầu xong thì phải đầu tư cơ sở hạ tầng mất 6 tháng, theo quy định thì xã phải miễn giảm 6 tháng tiền thuê thầu cho tôi. Sau 6 tháng làm cơ sở hạ tầng, tôi mới mua cá giống về thả được, thu hoạch được năm đầu suôn sẻ, đến năm thứ 2 thì thiên tai, tháo cống dâng kè vì lũ, mất hàng tấn cá không thu hoạch được, năm thứ 3, 4, 5 đều như vậy, nạn trộm cắp cá từ 2012-2016 liên miên. Từ năm thứ 2 tôi đã không thanh toán đầy đủ tiền thuê thầu hàng năm cho UBND xã, khi nộp tiền thuê thầu tôi đều giữ hóa đơn. Trả tiền thuê thầu hàng năm lúc thì tôi đi nộp trực tiếp, lúc thì tôi đưa tiền cho ông Đông đi nộp. Năm 2016 thanh lý hợp đồng, ông Đông là người tham gia hợp thanh lý hợp đồng mà không hề báo cho tôi biết, nên tôi không được tham gia, ký thanh lý hợp đồng xong nửa năm tôi mới được biết. Khi thanh lý hợp đồng, UBND xã D cũng miễn trừ khoảng hơn 300 triệu đồng tiền thuê thầu trong 5 năm cho ông Đông, nhưng vẫn chưa đảm bảo quyền lợi cho ông Đông, vì chúng tôi mất mát quá nhiều, từ thiên tai, lũ lụt đến việc người dân hai bên ven bờ sông của xã Phú Thị và thị trấn Như Quỳnh trộm cắp cá ngày đêm không thể canh xuể được, họ nói sông của họ nên họ cứ đánh bắt. Tôi thuê hàng chục người ngày đêm bảo vệ nhưng cứ bắt được người câu trộm cá gửi lên Công an xã hoặc Đồn thì nay họ bảo chưa đủ số tiền để truy tố, mai thì họ nói là con, cháu ông họ bà kia thôi không giải quyết, đến sáng hôm sau lại thả về. Tôi không làm gì được, họ mang cả lưới đến bắt, còn thả cả điện xuống đánh bắt đêm. Tôi không thể tính được số cá bị mất trộm, đó là những khó khăn của chúng tôi, nhưng UBND xã D dửng dưng không quan tâm, không có biện pháp hỗ trợ tôi trong việc khai thác,

quản lý cá. Tôi đơn thư rất nhiều đến UBND xã D đề kêu gọi hỗ trợ, nhưng họ không làm gì. Đến nay, tôi xác định số tiền UBND xã D cung cấp tại Tòa là số tiền tôi đã nộp tiền thuê thầu trong 5 năm bao nhiêu tiền là đều đúng, vì họ thu tiền của tôi phải có hóa đơn, tại phiên tòa, Tòa án cũng thông báo các hóa đơn UBND xã D xuất trình tôi thừa nhận là đúng và đúng là tôi đã nộp tiền thuê thầu trong 5 năm cho đến sau khi thanh lý hợp đồng tổng là 1.317.970.400 đồng. Tôi nhất trí khi thanh lý hợp đồng, ông Đông còn nợ UBND xã tiền thuê thầu theo Hợp đồng thuê thầu số 02 là 1.141.979.648 đồng, nhưng hợp đồng thanh lý ghi nhầm là 1.041.979.648 đồng. Sau khi ký thanh lý hợp đồng tháng 5/2016, tôi nộp tiếp được 200.000.000 đồng, nên đến nay ông Đông còn nợ UBND xã D 941.979.648 đồng nghĩa vụ từ hợp đồng thuê thầu là đúng. Nay tôi không có bất cứ yêu cầu gì đối với việc đầu tư kinh doanh của mình trên sông Thiên Đức, mọi quyền lợi của tôi, tôi sẽ tự giải quyết với ông Đông. Tôi không có bất cứ một yêu cầu gì đối với ông Đông hay với UBND xã D. Tôi chỉ đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thuê thầu vì UBND xã Dương Quang đã ký trái thẩm quyền, diện tích cho thuê không đủ 21ha, có cả phần đất của các xã, thị trấn khác, ngoài ra tôi không còn yêu cầu gì khác.

**2. UBND xã D trình bày:** Xã Dương Xá và Dương Quang là 2 xã giáp ranh trên cùng địa bàn huyện Gia Lâm, giữa 2 xã có sông Thiên Đức. Để tận dụng diện tích mặt nước phục vụ tiêu thoát nước và nuôi trồng thủy sản, UBND 2 xã có thống nhất phân chu kỳ quản lý 5 năm/1 lần hai bên luân phiên quản lý và thực hiện việc đấu thầu thuê diện tích mặt sông để tăng nguồn thu cho Ngân sách. Chu kỳ xã nào thì xã đó quản lý và phải có trách nhiệm xây dựng quy chuẩn đấu thầu, tổ chức mời thầu, tổ chức đấu thầu và ký hợp đồng thuê thầu mặt nước nuôi trồng thủy sản, quá trình thực hiện các bước có sự chứng kiến của lãnh đạo 2 xã. Khi hết hạn hợp đồng thì bàn giao lại cho bên kia xây dựng quy chế, sau khi trúng thầu thì báo cáo kết quả UBND huyện phê duyệt kết quả trúng thầu sau đó ký hợp đồng cho thuê 5 năm tiếp theo.

Đến chu kỳ năm 2011-2016 là của UBND Dương Quang, UBND xã D cho thuê thầu thì tại hợp đồng thuê thầu, đại diện UBND xã D có ký chứng kiến. UBND xã D toàn quyền ký và thực hiện việc thu tiền thuê thầu, UBND xã D không có quyền lợi gì liên quan đến hợp đồng thuê thầu số 02 này, nên không có tranh chấp gì về việc cho thuê thầu và quyền lợi thu được từ việc thuê thầu của UBND xã D. Hết năm 2016, UBND xã D giao lại mặt sông cho UBND xã D quản lý đến nay. UBND xã D xác định mặt sông Thiên Đức khoảng 21ha thuộc quyền sử dụng của 2 xã Dương Xá và Dương Quang. Ranh giới sử dụng đất của các xã Dương Xá, Dương Quang, Phú Thị, thị trấn Như Quỳnh được xác định theo bản đồ địa giới hành chính 364. Các địa phương giáp ranh sông sử dụng các mốc giới ổn định, không có tranh chấp. Nay

UBND xã D không tranh chấp gì đến hợp đồng thuê thầu số 02 này, UBND xã D phải có trách nhiệm giải quyết. Nay do bận công tác, nên xin vắng mặt khi xét xử.

**3. UBND xã Phú Thị trình bày:** mặt sông Thiên Đức 21 ha mà UBND xã D cho ông Đông thuê thầu năm 2011 thuộc quyền quản lý sử dụng của 2 xã Dương Xá và Dương Quang, không thuộc quyền quản lý của xã Phú Thị, xã Phú Thị không tranh chấp gì về diện tích mặt sông Thiên Đức, không tranh chấp về hợp đồng thuê thầu giữa UBND xã D và ông Đông. Nay do bận công tác, nên xin vắng mặt khi xét xử.

**4. UBND thị trấn Như Quỳnh:**

- Về mốc giới hành chính: theo bản đồ năm 1994 được ký kết giữa các địa bàn giáp ranh gồm Dương Quang, Dương Xá, thị trấn Như Quỳnh thì điểm 02H6, mốc này cách ngã 3 địa giới 46.5m hướng về Tây Nam, đường địa giới cách sông Thiên Đức tới mốc giới hai mặt Gia Lâm – Mỹ Hào. Đây là địa điểm phân tách địa giới hành chính giữa các bên. Đến nay, UBND thị trấn Như Quỳnh không tranh chấp mốc giới với UBND xã D. Kích thước, diện tích giáp ranh mặt sông Thiên Đức giữa 2 xã thì UBND thị trấn Như Quỳnh không đo nên không cung cấp cho Tòa án được.

- Về cống nắn dòng chảy sông Thiên Đức: Cống này thuộc địa giới hành chính xã Dương Quang.

- Về tranh chấp giữa UBND xã D và ông Đông là việc của 2 xã Dương Quang, Dương Xá và ông Đông, UBND thị trấn Như Quỳnh không tranh chấp gì. Việc ông Đông trình bày là mặt sông Thiên Đức mà UBND xã D cho thuê có cả phần diện tích mặt sông của thị trấn Như Quỳnh như sau: Sông Thiên Đức chảy qua nhiều xã, việc UBND xã D cho thuê sông Thiên Đức không trùng với địa giới hành chính của thị trấn Như Quỳnh quản lý. Việc quản lý thủy sản nuôi trồng hai bên là thuộc quyền của người thuê, UBND thị trấn Như Quỳnh không có ý kiến gì, không tranh chấp về địa giới, về thẩm quyền cho thuê, về việc ông Đông tự ý sử dụng khai thác mặt sông phần của thị trấn Như Quỳnh nhưng UBND thị trấn Như Quỳnh không tranh chấp, không có yêu cầu gì với cả ông Đông và UBND xã D. Nay do bận công tác, nên xin vắng mặt khi xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DSST ngày 19/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 68, 147, 227, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 401, 402, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 427, 480, 485, 489, của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 67, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 102 của Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân xã Dương Quang đối với ông Nguyễn V Đ về việc Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng thuê thầu số 02 ngày 19/01/2011 ký kết giữa UBND xã D và ông Nguyễn V Đ.

2. Xác định đến ngày 31/5/2016 ông Nguyễn V Đ còn nợ UBND xã D là 941.979.648 đồng phát sinh từ Hợp đồng thuê thầu số 02 ngày 19/01/2011.

3. Buộc ông Nguyễn V Đ phải thanh toán cho UBND xã D 941.979.648 đồng nợ phát sinh từ hợp đồng thuê thầu và 509.506.325 đồng tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 31/5/2016 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền chậm thanh toán 941.979.648 đồng, tổng cộng là 1.451.485.973 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi một triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm ông Nguyễn N N, sinh năm 1959 – Là đại diện theo ủy quyền của bị đơn và Là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai như đã trình bày ở cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Nguyễn Ninh trình bày: Sông Thiên Đức thuộc hai địa bàn xã Dương Quang và xã Dương Xá. Quá trình mời thầu, định giá thầu, tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng cho thuê mặt nước sông Thiên Đức, các văn bản do UBND xã D và UBND xã D ban hành không có căn cứ và bất cứ ý kiến hay quyết định nào từ UBND huyện Gia Lâm (Là cơ quan quản lý sông Thiên Đức). Căn cứ vào các quy định của pháp luật cho thấy việc UBND xã D và UBND xã D tự ý định giá thầu, tự ý tổ chức đấu thầu, tự ý ký hợp đồng cho thuê mặt nước sông Thiên Đức để hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng Thủy sản mà không thông qua, không có ý kiến, không có quyết định của UBND huyện Gia Lâm là hoàn toàn không có căn cứ và không đúng thẩm quyền. Vì vậy theo ông việc cho thuê mặt nước sông Thiên Đức để nuôi trồng thủy sản của



UBND xã D và UBND xã D là không đúng thẩm quyền. Số tiền 1.317.970.400 đồng đã nộp cho UBND xã D, ông không yêu cầu hoàn lại, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án dân sự sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai và trình bày tại cấp phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, điều 310 hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm để giải quyết theo thẩm quyền.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Nguyễn N N nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã D, UBND xã Phú Thị và UBND thị trấn Như Quỳnh được tổng đạt họp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ và khoản 2 Điều 296 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

#### **[2]. Về nội dung vụ án.**

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sông Thiên Đức thuộc địa giới hành chính xã Dương Quang và xã Dương Xá do vậy hai xã Dương Quang và Dương Xá đều có quyền sử dụng mặt sông Thiên Đức. Ngày 09/12/2010 hai xã đã có Biên bản thống nhất có nội dung:

- UBND xã D có trách nhiệm đại diện cho hai xã tổ chức cho thuê thầu công khai và ký kết hợp đồng với người trúng thầu chu kỳ 2011-2016. Đồng thời có trách nhiệm chính trong việc thu sản và duy trì hợp đồng cho đến khi kết thúc và chịu trách nhiệm thu hồi công nợ.....

Biên bản thống nhất có chữ ký của đại diện theo pháp luật là chủ tịch của hai xã Dương Quang và xã Dương Xá.

Ngày 19/01/2011, UBND xã D và ông Nguyễn V Đ cùng ký kết hợp đồng thuê thầu diện tích mặt nước sông Thiên Đức để nuôi trồng Thủy sản số 02-HĐ/UBND. Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của ông Đông và đại diện theo pháp luật của UBND xã D. Các bên đều thừa nhận việc ký hợp đồng là tự nguyện thỏa thuận, tự nguyện ký kết. Đại diện theo pháp luật của UBND xã D là chủ tịch UBND xã D ký kết vào hợp đồng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng thuê thầu: Sau khi ký kết hợp đồng UBND xã D đã bàn giao tài sản cho ông Đông là mặt sông Thiên Đức để quản lý, sử dụng, khai thác. Khi giao diện tích mặt sông UBND xã D với ông Đông đã có Biên bản bàn giao diện tích mặt sông Thiên Đức ngày 19/01/2011 trong đó xác định rõ các điểm, mốc của 21ha, biên bản có đầy đủ chữ ký của bên thuê và bên cho thuê nên đã đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đông thuê 21ha mặt sông Thiên Đức của 2 xã Dương Xá và Dương Quang theo đúng hợp đồng thuê thầu số 02 ngày 19/01/2011. Ông Ninh có ý kiến là diện tích cho thuê không đủ 21ha, nhưng đến nay không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh không đủ 21 ha, nên không chấp nhận ý kiến của ông Đông và ông Ninh về diện tích cho thuê thầu là không đủ 21ha; Như vậy bên cho thuê đã bàn giao mặt sông cho bên thuê là ông Đông, thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho thuê theo Hợp đồng thuê thầu nên bên thuê phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng là ngày 19/01 hàng tháng.

Tuy nhiên quá trình thực hiện việc thanh toán nghĩa vụ thuê thầu ông Đông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê mặt sông cho UBND xã D trong 4 năm 2012, 2013, 2014, 2015. Đến năm 2016 khi hai bên thanh lý hợp đồng, các bên đã chốt công nợ ông Đông còn nợ 1.041.979.648 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm UBND xã D và người đại diện theo ủy quyền của ông Đông đều khẳng định số nợ trong biên bản thanh lý ghi nhầm là 1.041.979.648 đồng, chính xác phải là 1.141.979.648 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm hai bên thống nhất với nhau đến khi thanh lý hợp đồng ông Đông còn nợ UBND xã D là 1.141.979.648 đồng cũng phù hợp với các hóa đơn nộp tiền ông Ninh và UBND xã D xuất trình tại phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử

sơ thẩm xác định đến ngày 31/5/2016 ông Đông còn nợ UBND xã D là 1.141.979.648 đồng là có căn cứ.

Sau khi ký thanh lý hợp đồng, ông Đông đã tiếp tục thanh toán cho UBND xã D 200.000.000 đồng, ngày 27/9/2016 và ngày 15/11/2016 mỗi lần ông Đông thanh toán thêm 100.000.000 đồng, nên xác định ông Đông còn nợ UBND xã D là 941.979.648 đồng chưa thanh toán, đây là nghĩa vụ thanh toán hợp đồng thuê thầu số 02, ông Đông đã thanh lý hợp đồng, không có tranh chấp về hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi thanh lý hợp đồng, sau thanh lý hợp đồng vẫn tiếp tục thanh toán, nên ông Đông phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thầu còn nợ UBND xã D 941.979.648 đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND xã D là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu lãi suất của UBND xã D đối với số tiền nợ 4 năm khi thanh lý hợp đồng là 941.979.648 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 của BLDS 2015 quy định bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc ông Đông phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán cho UBND xã D là có căn cứ. Lãi suất được xác định từ ngày 31/5/2016 là ngày hai bên ký kết biên bản thanh lý hợp đồng và xác nhận số tiền nợ phải thanh toán theo hợp đồng đến ngày 30/9/2019. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào văn bản cung cấp mức lãi suất quá hạn của liên 3 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng công thương Việt Nam tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 150% của 10,7%/năm trên số tiền phải thi hành là 941.979.648 đồng từ ngày 31/5/2016 đến ngày 30/9/2019, bằng 509.506.325 đồng, nên buộc ông Đông phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho UBND xã D là 509.506.325 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn N N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn V Đ kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét sửa bản án sơ thẩm với lý do việc cho thuê thầu của UBND xã D và UBND xã D là không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Ninh, ông Đông không có đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án yêu cầu hủy hợp đồng thuê thầu ký kết giữa UBND xã D và ông Nguyễn V Đ và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Mặt khác, UBND huyện Gia Lâm cũng không có ý kiến gì đối với việc cho thuê thầu mặt nước sông Thiên Đức của UBND xã D và UBND xã D, trên thực tế trong nhiều năm, việc cho thuê thầu vẫn là do hai UBND xã quản lý việc cho thuê thầu. Khi ký hợp đồng thuê thầu và suốt quá trình thực hiện hợp đồng ông Đông, ông Ninh cũng không có ý kiến gì về thẩm quyền cho thuê thầu,

tự nguyện ký vào hợp đồng và UBND xã D và ông Nguyễn V Đ đã thực hiện xong toàn bộ nội dung của Hợp đồng thuê thầu, bàn giao mặt nước sông Thiên Đức cho ông Đông sử dụng. Ông Đông tiếp nhận và sử dụng mặt nước sông Thiên Đức đúng như nội dung hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện Gia Lâm cũng không có ý kiến gì về việc UBND xã D ký hợp đồng cho thuê thầu mặt nước sông Thiên Đức. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thầu của hợp đồng thuê thầu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn N N.

## **[2]. Về án phí:**

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 68, 147, 227, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 401, 402, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 427, 480, 485, 489, của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào điểm I, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 67, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 102 của Luật đất đai năm 2003;
- Căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị Quyết số 326/ NQ - QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

**Xử:** Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2019/DSST ngày 19/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân xã Dương Quang đối với ông Nguyễn V Đ về việc Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng thuê thầu số 02 ngày 19/01/2011 ký kết giữa UBND xã D và ông Nguyễn V Đ.

2. Xác định đến ngày 31/5/2016 ông Nguyễn V Đ còn nợ UBND xã D là 941.979.648 đồng phát sinh từ Hợp đồng thuê thầu số 02 ngày 19/01/2011.

3. Buộc ông Nguyễn V Đ phải thanh toán cho UBND xã D 941.979.648 đồng nợ phát sinh từ hợp đồng thuê thầu và 509.506.325 đồng tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 31/5/2016 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền chậm thanh toán 941.979.648 đồng, tổng cộng là 1.451.485.973 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi một triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

4. Về án phí: Ông Nguyễn V Đ phải chịu 55.544.579 đồng (Năm mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi tư nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

UBND xã D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả UBND xã D 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2010/0002954 ngày 28/4/2017 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn V Đ, ông Nguyễn N N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn V Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004843 ngày 12/11/2019, ông Nguyễn N N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004844 ngày 12/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Mạnh Cẩm Yên**